

Số: 46 /2018/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 06 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020; số 119/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu; số 147/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP; số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 886/QĐ-TTg ngày 16 tháng 06 năm 2017 về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020; số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 – 2020; số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp; số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng; số 44/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 về lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về

hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư: số 04/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng; số 62/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển kinh tế - xã hội miền núi gắn với định hướng thực hiện một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025;

Xét Tờ trình số 7002/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành quy định về quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; tổ chức, cộng đồng dân cư thôn được giao rừng, cho thuê rừng.

2. Ủy ban nhân dân các xã có rừng tự nhiên.

Điều 3. Nội dung, mức chi hỗ trợ

1. Hỗ trợ đơn giá chi trực tiếp cho lực lượng bảo vệ rừng đối với diện tích rừng tự nhiên chưa triển khai các chương trình, dự án, hiện do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý và diện tích đang triển khai các chương trình, dự án nhưng có đơn giá bảo vệ rừng thấp hơn 400.000 đồng/ha/năm để đạt mức bình quân chung trên địa bàn tỉnh là 400.000 đồng/ha/năm, để chi cho các đối tượng sau:

a) Chi 80% để hợp đồng lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách trong cộng đồng dân cư thôn, gồm: chi lương, các khoản trích nộp theo lương, hỗ trợ xăng xe và bảo hộ lao động.

b) Chi 20% để hợp đồng với cộng đồng dân cư thôn, gồm: tuyên truyền, giám sát, hội họp, bình chọn, vận động thành viên tham gia bảo vệ rừng và các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ rừng của cộng đồng (các hạng mục chi do cộng đồng dân cư thôn thống nhất và quyết định).

2. Hỗ trợ công tác quản lý của chủ rừng: mức chi bằng 7%/tổng mức chi trực tiếp cho bảo vệ rừng, để thực hiện các nhiệm vụ:

a) Chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu hàng năm.

b) Chi hỗ trợ cho Tổ trưởng tuần tra bảo vệ rừng của cộng đồng.

Đối với diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng, kinh phí quản lý của chủ rừng thực hiện theo chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, ngân sách tỉnh không hỗ trợ chi phí quản lý của chủ rừng, kể cả những lưu vực có đơn giá thấp hơn 400.000 đồng/ha/năm.

3. Hỗ trợ một lần kinh phí khảo sát, lập hồ sơ ban đầu đối với diện tích rừng chưa triển khai các chương trình, dự án, hiện do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý với mức 50.000 đồng/ha.

4. Không áp dụng hỗ trợ đối với các diện tích sau:

a) Diện tích có đơn giá chi trực tiếp cho lực lượng bảo vệ rừng từ 400.000 đồng/ha/năm trở lên.

b) Diện tích rừng thuộc dự án nước ngoài (BCC, KFW10) còn trong giai đoạn triển khai thực hiện.

c) Diện tích đang thực hiện khoanh nuôi bảo vệ rừng. Khi hết chu kỳ khoanh nuôi thì phải tổ chức đánh giá lại hiện trạng rừng, trường hợp đủ điều kiện đưa vào quản lý, bảo vệ rừng thì được hỗ trợ kinh phí như các diện tích bảo vệ rừng theo Nghị quyết này.

5. Đối với diện tích rừng tự nhiên tại xã Tân Hiệp, thành phố Hội An: đơn giá chi trực tiếp cho bảo vệ rừng là 450.000 đồng/ha/năm.

6. Trong quá trình thực hiện, kinh phí hỗ trợ được điều chỉnh tương ứng khi có quy định mới về đơn giá bảo vệ rừng, nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng nhưng đảm bảo đơn giá chi trực tiếp cho lực lượng bảo vệ rừng không thấp hơn 400.000 đồng/ha/năm.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện quản lý, bảo vệ rừng giai đoạn 2019 – 2020 là: 422,7 tỷ đồng.

1. Kế hoạch năm 2019: 212,7 tỷ đồng, gồm:

a) Kinh phí đang thực hiện theo các chương trình, dự án là 165,8 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Nhà nước 40,8 tỷ đồng.

b) Ngân sách tỉnh cân đối thêm: 46,9 tỷ đồng.

(Đính kèm Phụ lục 01)

2. Kế hoạch năm 2020: 210 tỷ đồng, gồm:

a) Kinh phí đang thực hiện theo các chương trình, dự án là 164,6 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Nhà nước 43,6 tỷ đồng.

b) Ngân sách tỉnh cân đối thêm 45,4 tỷ đồng.

(Đính kèm Phụ lục 02)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

b) Quy định cụ thể việc thành lập lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách theo Quyết định số 44/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng. Hướng dẫn thực hiện chuyển đổi hình thức quản lý, bảo vệ rừng phù hợp với thực tiễn ở các địa phương.

c) Quy định chi tiết các nội dung chi trong phần kinh phí quản lý của chủ rừng, kinh phí chi cho cộng đồng dân cư và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT, TN&MT;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu VT, TH (Bình).

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang